

Phân tích bài thơ Thương vợ (Tú Xương)

Sưu tầm tuyển chọn những bài văn mẫu hay đề bài Phân tích bài thơ Thương vợ của Tú Xương - Văn mẫu lớp 11

Đề bài: Phân tích bài thơ "Thương vợ" của nhà thơ Tú Xương (Trần Tế Xương)

Bài làm:

Top 3 bài văn mẫu hay nhất phân tích bài Thương vợ của Tú Xương

Bài tham khảo số 1:

Tú Xương là một trong những nhà thơ có cảm quan nhạy cảm trước sự đổi thay của nhân tình thế thái. Xã hội thời Tú Xương sống là xã hội đang bị đảo lộn về tất cả ngay cả giá trị thiêng liêng nhất là tình thương cũng bị mai một, tình người với người chỉ còn là thứ tình cảm hời hợt bán mua, đổi chác quá ư dễ dàng. Giữa xã hội nhố nhăng ấy, nhà thơ tự giữ lại cho mình tình cảm cao quý nhất là tình yêu đối với người vợ. *Thương vợ* là bài thơ hay ghi lại tình yêu chân thành của nhà thơ dành cho người vợ vừa có sự cảm thông, chia sẻ và biết ơn vừa là lời tự thán, tự trách bản thân về trách nhiệm của người chồng.

Quanh năm buôn bán ở mom sông

...

Có chồng hờ hững cũng như không.

Tú Xương ngay mở đầu đã tỏ ra là người chồng biết quan tâm đến vợ, am hiểu công việc làm ăn của vợ:

Quanh năm buôn bán ở mom sông

Nuôi đủ năm con với một chồng.

Bà Tú buôn bán ấy là công việc chính bà làm để nuôi chồng nuôi con. Quanh năm chứ đâu phải là ngày một ngày hai bà tiến hành việc buôn bán mà là quanh năm suốt tháng, liên tục, không ngừng nghỉ. Nổi vất vả của bà Tú kéo dài theo năm tháng. Mom sông là không gian làm ăn của bà. Đó là chỗ đất nhô ra ở bờ sông Vị hoàng chảy qua thành phố Nam Định, một thế đất rất chênh vênh, cheo leo, không vững vàng, sẵn sàng đổ ụp xuống sông bất cứ lúc nào. Thế mới thấy sự nguy hiểm cho tính mạng của bà cùng nổi vất vả, cực nhọc trong công việc làm ăn. Ở đây không gian mom sông, thời gian quanh năm tô đậm hơn hình ảnh của bà Tú tảo tần, ngược xuôi. Đó là người phụ nữ của bao đời và đến bà Tú càng rõ nét hơn.

Câu thơ sau nâng vị thế của bà trở thành người trụ cột của gia đình, còn ông chồng bị hạ xuống hạng ăn bám, là gánh nặng cho vợ. Nuôi đủ năm con với một chồng. Cách đếm

Phân tích bài thơ Thương vợ (Tú Xương)

năm con với một chồng thật đặc biệt. Nhà thơ đặt ông chồng như những đứa con cũng phải nuôi tựa như ông bé bỏng như con nên phải đếm ngang một miệng ăn, hai miệng ăn. Từ đủ làm toát lên mức độ của việc nuôi nấng ấy. Bà nuôi ông không chỉ cơm no, áo đủ mặc mà còn phải có ít rượu cho ông ngâm nga, bộ áo mới cho ông vui vẻ cùng bè bạn. Bà Tú lo tất, bà vừa nuôi, vừa cung phụng cho ông. Gánh nặng chồng con đè nặng lên đôi vai bà Tú. Người phụ nữ như địa vị của bà chỉ làm việc nâng khăn sửa túi cho chồng, việc làm ăn để chồng lo, vậy mà bà phải bứt ra khỏi cảnh sống êm ả bước vào dòng đời xô bồ để lo cơm áo cho sáu miệng ăn, làm thay việc của chồng đủ thấy bà đã hi sinh tất cả vì chồng con. Thấu hiểu hoàn cảnh của vợ, đánh giá xứng đáng công lao của vợ chứng tỏ nhà thơ yêu vợ, thương vợ tha thiết lắm.

Hai câu thực tiếp tục mạch cảm xúc cảm thông, chia sẻ:

Lặn lội thân cò khi quãng vắng

Eo sèo mặt nước buổi đò đông

Công việc của bà đến đây hiện lên thật rõ nét cụ thể. Bà Tú lặn lội ngược xuôi lúc một mình vượt đường xa, quãng vắng, lúc cãi và giành giật ngay trên sông với những chuyến đò đông khách qua. Sự vất vả, cực nhọc của bà là vậy. Lặn lội, eo sèo thể hiện tính chất gay go của cuộc mua bán. Thương trường là chiến trường, đâu dễ nhường nhịn cho nhau miếng ăn, té ra bà Tú cũng va chạm lời qua tiếng lại gây cảnh eo sèo nhón nháo trên sông. Câu thơ gợi ta nhớ đến thân phận của người phụ nữ xưa qua câu ca:

Cái cò lặn lội bờ sông

Gánh gạo nuôi chồng tiếng khóc nỉ non.

Con cò xưa và thân cò dường như có sự đồng dạng. Hình ảnh so sánh độc đáo đó càng làm cho tình cảnh bà Tú thêm tội nghiệp đáng thương. Bà Tú có khác gì dáng cò đâu, gầy lêu khêu, bước lững thững, một thân một mình, lếch thếch, lúi thủi. Đối lập cái đơn độc, lẻ loi của bà với vẻ quanh hiu khi quãng vắng và vẻ tấp nập, đông đúc của buổi đò đông, nhà thơ cực tả những cực nhọc, gian lao của bà để duy trì sự sống cho chồng, con. Ông Tú thấu hiểu điều ấy. Và ông đâu có dửng dưng. Đằng sau từng câu chữ là nỗi niềm chất chứa tâm can. Ông cảm phục vì sức dẻo dai quanh năm làm việc của bà, ca ngợi bà vì bà hết lòng vì chồng con, nhưng một nỗi xót xa, hổ thẹn ngự trị trong lòng ông: Tự trách mình chưa làm tròn trách nhiệm của người chồng. Bà Tú biết được tâm sự như thế của ông chắc gánh nặng sẽ vơi đi chút nào và trong tâm chắc cũng được an ủi, động viên.

Khó nhọc, gian nan là vậy nhưng bà Tú không một lời than vãn. Ngày tháng, công việc cứ trôi qua im lặng như chính cuộc đời bà:

Mội duyên hai nợ âu đành phận

Phân tích bài thơ Thương vợ (Tú Xương)

Năm nắng mười mưa dám quản công.

Câu thơ như lời nói rất tự nhiên, đa thanh, có thể coi là lời của ông hoặc bà đều được. Nhưng xưa nay bà có than thân bao giờ, bà chấp nhận tất cả, giấu kín lòng mình với bao nỗi xót xa tủi cực. Ông Tú vì tấm lòng thương vợ cất lên lời nói thay cho bà. Dùng lối nói dân gian vợ chồng là duyên là nợ. Tú Xương vận rất đúng để nói về bà Tú, cuộc đời bà như vậy vừa là duyên, vừa là nợ, duyên một thì nợ hai, hạnh phúc do duyên mang lại ít, cực nhọc do nợ là phần nhiều, số phận là thế thì đành chấp nhận. Dám quản công tức không dám nề hà, không dám kể công dù có vất vả sương gió nhiều, năm nắng mười mưa. Đã vận vào cái số phận làm sao thoát ra, câu thơ kết thúc bằng thanh trắc âu đành phận cùng khiến cho cảm xúc bị dồn nén nhiều hơn. Hẳn bà Tú không ít lần bực mình, thấy đời sao quá bất công, muốn phản kháng nhưng bà đã dần lòng an phận, chấp nhận im lặng đến nhẫn nhục, cam chịu. Nước mắt bà chảy ngược vào trong, bà giữ chặt lòng mình, không muốn cho ai biết nỗi khổ tâm, đau xót ấy. Các số đếm một, hai, năm, mười cùng nhịp thơ ngắt 2/2/3 thể hiện tâm trạng tức tưởi, lắng sâu và kéo dài cuộc đời bà gắn với công việc không bao giờ ngừng nghỉ. Đến đây, Tú Xương nhập hẳn mình vào vợ để lắng nghe từng nỗi niềm u uẩn của bà. Ẩn đằng sau ấy là bao nỗi niềm của ông, một người chồng khổ tâm để vợ xuôi ngược mà không giúp được gì? Câu thơ toát lên ý thương vợ, tự trách rất sâu sắc.

Hai câu cuối, tình cảm như được bộc phát mạnh mẽ, không phải lời tâm tình nhẹ nhàng như trước mà là tiếng chửi độc:

Cha mẹ thói đời ăn ở bạc

Có chồng hờ hững cũng như không.

Tiếng chửi không phải của bà Tú vì bà chấp nhận, cam chịu suốt đời, ông Tú mong bà chửi để gánh nặng lòng ông được vơi bớt, chỉ ít vì bà coi ông khác lũ con. Sự dồn nén, bức bối buộc ông mượn lời bà để tự chửi mình. Một đấng chồng mà chỉ ngồi ăn bám, vô lo, có khi hạch sách, lên mặt, nhìn vợ vất vả ngược xuôi vất vả còn xứng là chồng không? Ông tự kết án mình đã ăn ở bạc bẽo, lạnh lùng, thờ ơ, vô trách nhiệm... Sự hờ hững ấy của ông khiến cho bà càng đau khổ hơn gấp ngàn lần. Gánh nặng vật chất dù chồng chất đến mấy bà Tú cũng cố chèo lái lo toan, chịu được nhưng bị hờ hững, bị đối xử tệ bạc, không được sẻ chia sẽ làm cho bà gục ngã ngay. Một ông chồng như thế bà đâu cần, có cũng như không. Lấy bản thân mình, nhà thơ khái quát hiện tượng trên thành thói đời nghĩa là nó rất phổ biến, thường diễn ra. Đó chính là đặc trưng của xã hội đồng tiền buổi giao thời mà nhà thơ sống. Ý nghĩa tố cáo của câu thơ là vạch rõ bản chất xấu xa của xã hội coi nhẹ tình cảm, trọng sĩ diện, danh vọng, tiền tài. Câu thơ khép lại bằng từ không tưởng nhẹ nhàng mà hướng người đọc đến chiều sâu tâm trạng chất chứa nỗi chua xót, tủi giận của chồng và niềm đau khổ của người vợ.

Phân tích bài thơ Thương vợ (Tú Xương)

Bài thơ là tiếng lòng chân thành vừa ngợi ca, cảm phục, chia sẻ, cảm thông trước vất vả, gian nan của bà Tú vừa là lời tự trách, tự lên án của ông Tú. Phải yêu vợ, thương vợ đến mức sâu sắc nhà thơ mới viết nên bài thơ giàu cảm xúc, chân thực như vậy. Chất trữ tình và trào phúng quyện hòa trong nhau đưa người đọc đến những cung bậc tình cảm rất sâu sắc bình dị, đáng trân trọng, ẩn chứa trong lòng nhà thơ vốn căm ghét thể thái nhân tình đổi thay. Tú Xương qua bài thơ gửi đến những người chồng bức thông điệp: hãy nói lời yêu thương chia sẻ thật nhiều với người vợ.

Bài tham khảo số 2:

Thơ văn Trần Tế Xương gồm hai mảng lớn: trào phúng và trữ tình. Có bài hoàn toàn là đả kích, châm biếm, có bài thuần là trữ tình. Tuy vậy, hai mảng không tuyệt đối ngăn cách. Thường là châm biếm sâu sắc nhưng vẫn có chất trữ tình. Ngược lại, trữ tình thâm thìa cũng pha chút cười cợt theo thói quen trào phúng. Thương vợ là một bài thơ như vậy.

Thương vợ là bài thơ phản ánh hình ảnh bà Tú vất vả, đảm đang, lặn lội hi sinh vì chồng vì con, đồng thời thể hiện tình thương yêu, quý trọng và biết ơn của Tú Xương đối với người vợ của mình.

Quanh năm buôn bán ở mom sông,

Nuôi đủ năm con với một chồng.

Chỉ bằng vài lời kể nôm na, bình dị, Tú Xương đã giúp người đọc hình dung ra cảnh bà Tú một mình mang trên vai gánh nặng gia đình, lặn lội nơi đầu sông, bến chợ.

Mom sông là mòm đất nhô ra dòng sông, cũng là một địa điểm ở phía Bắc thành phố Nam Định. Ngày xưa, đây là nơi trên bến dưới thuyền, người từ các nơi đổ về buôn bán. Quanh năm, bà Tú làm ăn ở đó để kiếm tiền trang trải cho cuộc sống gia đình gồm hai vợ chồng và năm đứa con thơ.

Quanh năm buôn bán có nghĩa là không nghỉ ngơi ngày nào. Hơn nữa, chữ mom sông càng tô đậm thêm cái thế chênh vênh, không vững vàng của công việc làm ăn. Mom sông ba bề là nước, có thể đổ ụp xuống sông lúc nào không biết. Ở cái mòm đất chênh vênh ấy, hình ảnh bà Tú dường như càng nhỏ bé và cô đơn. Một mình bà phải xông pha nơi đầu sông ngọn nguồn, vất vả tội nghiệp biết bao! Trên đây là thời gian, không gian và cả tính chất công việc làm ăn buôn bán của bà Tú.

Tại sao bà Tú lại chấp nhận sự lam lũ, vất vả như thế? Đương nhiên là để nuôi chồng, nuôi con. Ngày xưa, xã hội phong kiến dành cho phụ nữ bốn phận là thờ chồng, nuôi con. Với bà Tú, chắc chắn là có chuyện thờ chồng. Thờ chồng bao hàm cả nghĩa vụ nuôi chồng. Đó là sự bất công của xã hội, nhưng xét về mặt đức độ thì sức đảm đang tháo vát của những người vợ như bà Tú thật đáng nể phục.

Phân tích bài thơ Thương vợ (Tú Xương)

Cái không bình thường trong bài thơ là cách đếm số người. Giá như tính gộp lại là sáu miệng ăn và một mình bà Tú mà phải cang đáng đến chừng ấy cũng đã là nhiều. Trên đời, phần lớn phụ nữ cũng gặp cảnh như thế. Đằng này, tác giả đếm rõ ràng là: năm con với một chồng. Đặc biệt là tách riêng ông chồng ra và đếm là một. Xuân Diệu có nhận xét rất hay khi đọc câu thơ này: "Hoá ra ông chồng cũng phải nuôi, tựa hồ như lũ con bé bỏng nên mới đếm ngang hàng với chúng nó: một miệng ăn, hai miệng ăn...".

Mà bà Tú nuôi chồng đâu có đơn giản như nuôi con. Cơm ăn đã đành, đôi khi phải có tí rượu tí trà cho ông ngâm nga câu thơ câu phú. Áo mặc đã đành, còn phải có bộ cánh tử tế cho ông đi đây đi đó, chứ ai lại để cho ông quanh năm "Bức sốt nhưng mình vẫn áo bông" và "Một đoàn rách rưới con như bố". Lại phải cho ông xỏng xảnh ít tiền trong túi để gặp bạn, gặp bè. Ấy thế mà bà nuôi đủ, tức là đủ cả về số lượng lẫn chất lượng. Như vậy là bà Tú không chỉ nuôi ông Tú mà còn cung phụng, còn thờ.

Nhưng kê ra được những điều ấy chứng tỏ là ông chồng thấu hiểu và biết đánh giá một cách xứng đáng công lao của bà vợ. Như vậy là thương vợ.

Đến câu thứ ba, hình ảnh bà Tú một mình thui thủi làm ăn càng hiện lên cụ thể và rõ nét hơn:

Lặn lội thân cò khi quãng vắng,

Eo sèo mặt nước buổi đò đông.

Tú Xương dùng một hình tượng quen thuộc trong văn chương dân gian nói về người phụ nữ lao động ngày xưa: Con cò lặn lội bờ sông... nhưng ông không so sánh mà đồng nhất thân phận bà Tú với thân cò. Tấm thân mảnh dẻ, yếu đuối của bà Tú mà phải chịu dãi nắng dầm sương thì đã là gian nan, tội nghiệp, vậy mà bà còn phải lặn lội sớm trưa. Nghĩa đen của từ này cũng gọi ra đầy đủ cái vất vả, khó nhọc trong nghĩa bóng. Tấm thân cò ấy lại lặn lội trên quãng vắng đường xa. Nói quãng vắng là tự nhiên nổi lên cái lẻ loi, hiu quạnh, lúc cần không biết nương tựa vào đâu, chưa nói đến những hiểm nguy bất trắc đối với thân gái dặm trường. Eo sèo chỉ sự nói đi nói lại, có ý bất bình. Đò đông có thể hiểu hai cách: một là đò ngang đã chở đầy người, hai là đò từ các nơi tập hợp lại rất đông. Hiểu cách nào cũng đúng với ý định đặc tả nỗi khó nhọc, gian nan trong cảnh kiếm ăn của bà Tú.

Bên cạnh nỗi khổ vật chất còn có nỗi khổ tinh thần. Vì chồng con mà phải lặn lội đường xa quãng vắng, nhưng liệu chồng con có biết cho chăng? Và bà Tú cứ âm thầm lo toan như vậy cho đến hết đời, hết kiếp... số phận bà là vậy.

Câu thơ miêu tả mà đầy chất trữ tình, nghe thật xót xa, tội nghiệp! Ông Tú tỏ ra thông cảm với nỗi khó nhọc của vợ và thương vợ đến vậy là sâu sắc.

Phân tích bài thơ Thương vợ (Tú Xương)

Ông Tú hiểu thấu công việc làm ăn của bà Tú. Khi quăng văng, buổi đò đông, bà đều vất vả khó nhọc, không kể gian nan, không quản thân mình, một lòng vì chồng, vì con. Bà Tú mà nghe được những lời như thế của ông chắc cũng thấy gánh nặng trên vai mình nhẹ bớt và trong thâm tâm bà cũng được an ủi ít nhiều.

Nhưng không phải chỉ có thế, giọng điệu trữ tình kín đáo lòng trong hai câu tường thuật miêu tả (câu 3, 4) chứng tỏ tim ông Tú không phải dửng dưng. Thương vợ nhưng cũng là tự trách mình. Không phải chỉ tự coi mình là một miệng ăn để vợ phải nuôi mà còn hổ thẹn, thấy mình có cái gì đó như nhẫn tâm. Ông chồng trụ cột gia đình là mình ở đâu rồi mà để vợ phải nhọc nhằn, gian nan đến vậy? Tự trách mình như thế cũng là thương vợ thêm sâu.

Một duyên hai nợ âu đành phận,

Năm nắng mười mưa dám quản công.

Tú Xương lại vận dụng thêm một thành ngữ, một câu ca dân gian khác: Vợ chồng là duyên là nợ, Một duyên hai nợ ba tình... Vợ chồng gặp nhau là do ông Tơ bà Nguyệt sắp đặt từ kiếp trước. Có duyên thì tốt đẹp, hạnh phúc, là nợ thì đau khổ một đời.

Có lẽ ở đây, ông Tú mượn tâm tư bà Tú mà suy ngẫm hay đúng ra, ông hoá thân vào bà để cảm thông sâu sắc hơn: lấy chồng như thế này thì cũng là duyên hoặc nợ thôi, số phận đã thế thì cũng đành thế. Cho nên có khổ cực bao nhiêu, năm nắng mười mưa cũng phải chịu, phải lo, nào dám quản công. Chẳng còn là chuyện thân nữa, dù là thân cò, mà đã là chuyện phận rồi, chuyện số phận.

Ôi! Lấy vợ lấy chồng, người ta bảo là duyên là nợ, nghĩ cũng đúng thật! Số phận đã như thế thì cũng đành thôi, chứ biết làm thế nào?! Cái số kiếp người phụ nữ như tấm lụa đào, như hạt mưa sa, như con thuyền lên đênh mười hai bến nước, như cơm nguội đỡ khi đói lòng... Trách làm sao được! Vậy thì còn dám kể gì gian lao, dám quản gì mưa nắng!

Lại thêm nghĩa của mấy nhóm từ âu đành, dám quản. Âu đành là một sự bất đắc dĩ, xếp lại, nén xuống những gì bất bình, tủi nhục.. Dám quản tức là không dám kể gì đến công lao, là thái độ chấp nhận gánh chịu mọi sự nhọc nhằn. Thêm âm thanh nặng nề của từ phận ở cuối câu khép lại càng làm cho câu thơ phù hợp với cảm xúc bị dồn nén vào trong.

Vậy là chỉ bốn câu thơ mà chân dung bà Tú hiện lên hoàn chỉnh: từ vất vả bon chen, lăn lộn ở ngoài đời, đến năm liêu bầy lo trong gia đình, từ con người của công việc làm ăn, đảm đang tháo vát, chịu thương chịu khó, đến con người của đức độ, thảo hiền, đầy tinh thần vị tha. Hình ảnh bà Tú tiêu biểu cho phẩm chất tốt đẹp của những người vợ, người mẹ Việt Nam.

Phân tích bài thơ Thương vợ (Tú Xương)

Thương vợ mà nói ra là mình thương thì cũng đã quý. Ở đây, ông Tú đã nhập thân vào bà Tú để thấu hiểu nỗi niềm và thể hiện tình cảm của mình bằng những lời thơ chân thành, thấm thía. Như vậy mà không phải là thương vợ sâu sắc hay sao?

Đó là thương vợ, còn tự trách mình? Ngày ngày ngồi không, làm một miệng ăn cho vợ nuôi, điềm nhiên hưởng thụ trong khi vợ phải ngược xuôi tần tảo, nghe cũng đã có cái gì đó bất nhẫn. Nay vợ thềm oán trách, tủi hờn mà quy số phận bất hạnh ấy là do một duyên hai nợ, thử hỏi ông chồng làm sao mà không nhận thấy lỗi của mình? Tự trách đến như vậy là ngoài tình thương vợ đã có thêm ý thức trách nhiệm.

Cha mẹ thói đời ăn ở bạc,

Có chồng hờ hững cũng như không.

Câu kết là một tiếng chửi đổng cái thói đời ăn ở bạc. Không phải lần này ông Tú mới chửi như thế. Trong bài Gặp người ăn xin, ông cũng đã từng chửi – chửi mình mà thực ra là chửi đời: Người đói, ta đây cũng chẳng no./ Cha chẳng nào có, tiếc không cho. Chỉ khác ở chỗ là lần này, lời chửi tuy có ném thẳng vào đời, nhưng trước hết là ném vào mình. Để tự trách mình thì ông phải chửi. Mà ông phải đặt câu chửi ấy vào miệng bà Tú thì mới đích đáng! Nhưng bà Tú vốn con gái nhà dòng, chẳng đời nào lại chanh chua, thô tục dám chửi chồng. Nhưng đối với ông Tú thì tự trách đến mức phải bật ra tiếng chửi như thế là giận mình thật sự. Bài thơ ông viết ra cốt để bày tỏ tình thương yêu, quý trọng người vợ đảm đang và tự trách mình là đồ tầm thường, vô tích sự.

Bà Tú vất vả đến thế, ông Tú tự trách mình đến thế thì đương nhiên là phải bực bội đến bật ra tiếng chửi. Nhận lỗi chưa đủ, nguyên rủa mình bằng câu chửi đổng mới xứng với tội lỗi, ông Tú lại chẳng dè dặt gì với chữ nghĩa mà dùng luôn cách chửi dân gian: Cha mẹ thói đời.

Bà Tú không hề coi chồng là ăn ở bạc, nhưng ông Tú thì gọi đích danh tội lỗi của mình ra như vậy, vợ chồng với nhau mà như thế thì còn gì mà không ông Tú lại không nói trực tiếp là mình ăn ở bạc mà khái quát nó lên thành thói đời. Thói đời đen bạc tượng trưng cho bản chất của xã hội kim tiền dưới thời thực dân phong kiến, ở thành thị điều đó càng tệ hại hơn. Hoá ra đệ tử của thánh hiền là ông Tú mà cũng bị nhiễm cái thói đời xấu xa ấy. Như vậy là từ hổ thẹn, ông Tú đã đi tới chỗ xót xa, tự trách.

Câu kết là sự phán xét vô cùng đau đớn nhưng cũng rất công minh, ông Tú xỉ vả mình là ăn ở bạc, nhưng xét ra cái bạc ấy cũng chỉ mới ở mức hờ hững. Hờ hững trước việc nhà, trước mọi lo toan, vất vả, trước thái độ cam phận của vợ. Đã là vợ chồng, trăm sự cùng lo mới phải. Bà Tú không bắt buộc ông vất vả như bà mà chỉ mong ông đừng hờ hững, ông hãy quan tâm lo cho gia đình chút ít, trước hết là ông hiểu cho bà, như thế cũng đủ cho bà ấm lòng và có niềm vui.

Phân tích bài thơ Thương vợ (Tú Xương)

Cả bài thơ cô đúc lại ở ý này: ở câu đề, ông chồng có mặt với tư cách là một miệng ăn phải nuôi, ở câu thực, câu luận, ông chồng vắng bóng. Bài thơ chấm dứt bằng sự day dứt, ân hận trong câu kết: Có chồng hờ hững cũng như không, càng làm tăng thêm nỗi thương vợ của nhà thơ. Đó là cách nói của Tú Xương, đã nói gì là nói ráo riết đến tận cùng. Tuy nhiên, có điều này ông đã nói oan cho mình: đó là hai chữ hờ hững. Vì giận mình mà ông nói thế thôi, chứ thực lòng ông đâu có hờ hững với bà. Bởi nếu ông hờ hững thì đã không có bài Thương vợ thâm thúy và cảm động đến như vậy.

Bài tham khảo số 3:

Trong xã hội phong kiến, người phụ nữ thường không được quan tâm nhiều. Một người phụ nữ phải chịu nhiều “gông xiềng” đeo trên vai. Nào là “Xuất giá tòng phu, phu tử tòng tử”. Nào là “tam tòng, tứ đức”v.v.v. Dường như người phụ nữ luôn xuất hiện phía sau người chồng, người con của mình. Họ không có được sự tự do trong cuộc sống và thường là người gánh chịu nhiều nỗi đau về tinh thần do tư tưởng trọng nam khinh nữ của Nho giáo. Vậy nên trong suốt chiều dài lịch sử, những thi nhân thường không đưa hình ảnh người vợ vào trong thơ ca của mình, mà thay vào đó là “mây, gió, trăng, hoa, tuyết, núi, sông”. Bởi thế, Trần Tế Xương đã được người đời nhớ đến khi trong thơ ông, hình ảnh một người vợ lam lũ, vất vả đã được khắc họa một cách đầy đủ với thái độ trân trọng và yêu thương. Đó thực sự là một nét chấm phá đặc biệt của văn học thời kỳ phong kiến. Bài thơ “Thương vợ” của ông được xem như một trong những tác phẩm “khác lạ” giữa nền thi ca.

Nói bài thơ này khác lạ bởi thông thường các thi sĩ chỉ làm thơ về người bạn đời của mình khi họ đã mất đi. Còn với Tú Xương, ông đã viết về người vợ của mình một cách chân thực, sống động và đầy lòng yêu thương ngay khi vợ ông còn sống. Khác lạ còn bởi trong xã hội phong kiến, người đàn ông là chủ gia đình, mọi quyết định đều do họ. Và hiếm ai chấp nhận một sự thật rằng vợ chính là người nuôi sống cả một gia đình. Ấy nhưng với Tú Xương, đó là một điều hiển nhiên, bởi ông còn bận học hành, thi cử để có chút công danh. Và không ai khác ngoài người vợ chính là nguồn sống cho cả gia đình. Điều đó được khẳng định ở ngay câu đầu tiên của bài thơ

Quanh năm buôn bán ở mom sông

Nuôi đủ năm con với một chồng

Sự vất vả, cực nhọc đã được thể hiện một cách rõ ràng. Một mình người vợ mà phải “cõng” tới năm người con và một đức ông chồng. Chữ “mom” ở đây rất có giá trị. Mom là một mô đất nhô ra bên bờ sông, nó nhỏ bé và gợn lên chút gì đó chênh vênh, không bền vững. Đối lập với đó là năm người con và người chồng. Một sự đối sánh có tính chất không cân đối đã nói lên muôn vàn vất vả lo âu của người vợ cho gia đình của mình. Làm sao để có thể kiếm sống để chu đáo cho một gia đình với những đứa con nhỏ.

Phân tích bài thơ Thương vợ (Tú Xương)

Người phụ nữ trong thời đại phong kiến thường được ví như những “hạt mưa sa”; “giếng giữa đàng”, ý nói về sự bấp bênh của số phận, may mắn thì được vào gia đình tốt, được yêu thương còn không thì gặp muôn vàn đắng cay, khổ cực mà không biết kêu ai. Ở trong những câu tiếp theo, dường như Tú Xương đã cảm thán thay cho người vợ đáng thương của mình.

Lặn lội thân cò khi quãng vắng,

Eo sèo mặt nước buổi đò đông

Hình ảnh người vợ đã được ông ví như cánh cò nơi dòng nước, nhỏ bé, cô đơn. “Thân cò” là một sự so sánh vô cùng hợp lí và thú vị dành cho người vợ. Động từ “lặn lội” đã phác họa rõ nét hơn tình cảnh của người vợ, người mẹ. Có lẽ đọc đến đây ta cũng xót thương cho những người phụ nữ thời xưa. Hình ảnh người vợ Tú Xương cũng là sự khái quát cho những người phụ nữ Việt Nam thời kỳ phong kiến, phải lam lũ, vất vả một nắng hai sương lo cho gia đình, nhưng lại không được công nhận. Và qua những vần thơ, dường như Tú Xương đang tạo nên một bước chuyển mới trong nhận thức của các đấng nam nhi, cần phải coi trọng người phụ nữ của mình nhiều hơn nữa.

Một duyên, hai nợ, âu đành phận,

Năm nắng, mười mưa, dám quản công

Việc sử dụng cặp từ “một duyên” “hai nợ” cho thấy Tú Xương không chỉ đồng cảm với sự vất vả của vợ, mà còn nhận thấy giữa hai vợ chồng có sự gắn bó từ kiếp trước. Có duyên mới tới được với nhau và đến được với nhau rồi đó lại là một điều không thể tách rời, bởi đó là “nợ”. Có lẽ ông cho rằng mình đã nợ vợ một món nợ không thể trả. Bởi thế cho nên duyên phận đã gắn bó ông với vợ. Nhưng có một sự “nói hộ” của ông ở đây. Dường như đây là lời của Tú Xương nhưng cũng chính là tâm sự của người vợ. Bởi ở câu thơ sau: Năm nắng, mười mưa, dám quản công, cho thấy dẫu có vất vả, nhọc nhằn, người vợ cũng không dám kể lể công tích của mình, xem như đó là việc mình phải làm cho gia đình. Đó chính là sự vị tha, bao dung và nhẫn nhục của người phụ nữ Việt Nam.

Sự cam chịu của người vợ đã khiến cho Tú Xương không đành lòng. Nhưng người vợ không bao giờ nói ra với ông những nỗi vất vả, khó khăn ấy. Và chính ông đã là người nói ra giúp vợ mình. Một tiếng thơ cũng là tiếng thở than, trách cứ, dằn vặt của người chồng, là tiếng trách mắng nhẹ nhàng của người vợ dành cho người chồng.

Cha mẹ thói đời ăn ở bạc:

Có chồng hờ hững cũng như không

Phân tích bài thơ Thương vợ (Tú Xương)

Hai câu thơ khép lại tác phẩm là lời tự rửa mát mình của Tú Xương nhưng lại mang đậm ý nghĩa lên án xã hội sâu sắc góp phần khẳng định tình cảm của ông đối với bà Tú là vô bờ bến. Người chồng ấy tuy “ăn lương vợ” nhưng không hề “ở bạc”, “hờ hững” mà rất chu đáo, luôn dõi theo từng bước đi của bà trên đường đời và đặc biệt là luôn bày tỏ lòng biết ơn của mình đối với vợ. Thi phẩm kết thúc thật bất ngờ: vừa thấm đượm cái bi, cái bất hạnh trong niềm riêng của tác giả, lại vừa dí dỏm, hài hước.

Với chất thơ bình dị, dễ đọc, dễ nhớ và đậm chất nhân văn Tú Xương đã khắc họa nên hình ảnh người vợ chịu thương chịu khó của mình trong mối tương quan với chồng, con. Đó cũng là lời nhắc nhở nhẹ nhàng mà ông dành cho những người chồng, người cha còn “bạc” với người vợ đầu gối tay ấp của mình bằng chất liệu trào phúng đặc trưng.